|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**    Số :           /2015/NĐ-CP |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày      tháng      năm 2015* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 9 tháng 12 năm 2000;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng, bao gồm: trách nhiệm mua bảo hiểm bắt buộc, điều kiện, mức phí, số tiền bảo hiểm tối thiểu mà chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân mua bảo hiểm) và doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ thực hiện.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu trong trường hợp phí bảo hiểm công trình đã được tính vào giá hợp đồng[[1]](http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/Suggestion_Legal?p_detail=1&p_topic_id=9681" \l "_ftn1" \o ")) đối với công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng, môi trường, công trình có yêu cầu kỹ thuật đặc thù, điều kiện thi công xây dựng phức tạp;

b) Nhà thầu tư vấn đối với công việc khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng của công trình xây dựng từ cấp II trở lên;

c) Nhà thầu thi công xây dựng;

d) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (sau đây gọi tắt là “doanh nghiệp bảo hiểm”), doanh nghiệp tái bảo hiểm có đủ điều kiện triển khai bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này;

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến bảo hiểm hoạt động đầu tư xây dựng.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 1 Điều này mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba và các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng trên mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 3. Nguyên tắc tham gia bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng**

1. Tổ chức, cá nhân mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm triển khai bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng theo điều kiện, mức phí và số tiền bảo hiểm tối thiểu quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Ngoài việc tham gia bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng theo điều kiện, mức phí, số tiền bảo hiểm tối thiểu quy định tại Nghị định này, tổ chức, cá nhân có thể tham gia bảo hiểm với điều kiện mở rộng hơn, mức phí và số tiền bảo hiểm cao hơn trên cơ sở thỏa thuận với doanh nghiệp bảo hiểm và phù hợp với các quy định của pháp luật.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Mục 1**

**TRÁCH NHIỆM MUA BẢO HIỂM**

**Điều 4. Trách nhiệm mua bảo hiểm của chủ đầu tư**

1. Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu trong trường hợp phí bảo hiểm công trình đã được tính vào giá hợp đồng) phải mua bảo hiểm đối với các công trình sau:

a) Công trình quan trọng quốc gia, công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định hàng năm;

b) Công trình, hạng mục công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Phụ lục II Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

c) Công trình có ảnh hưởng lớn đến môi trường theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

d) Công trình có yêu cầu kỹ thuật đặc thù, điều kiện thi công xây dựng phức tạp theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Thời hạn bảo hiểm công trình là khoảng thời gian cụ thể, gồm có ngày bắt đầu, ngày kết thúc và được ghi trong hợp đồng bảo hiểm. Thời hạn bảo hiểm tối thiểu được tính từ lúc khởi công công trình hoặc từ khi hạng mục bảo hiểm đầu tiên có tên trong hợp đồng bảo hiểm được dỡ xuống công trường (tùy theo ngày nào đến trước) đến ngày công trình xây dựng kết thúc, bàn giao hoặc đưa vào sử dụng (tùy theo ngày nào đến trước).

3. Rủi ro được bảo hiểm đối với các công trình quy định tại Khoản 1 Điều này là mọi rủi ro, không bao gồm các rủi ro loại trừ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**Điều 5. Trách nhiệm mua bảo hiểm của nhà thầu tư vấn**

1. Nhà thầu tư vấn phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng đối với công việc khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng của công trình xây dựng từ cấp II trở lên.

2. Thời hạn bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng  bằng thời gian bảo hiểm công trình theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định này cộng với thời gian bảo hành công trình theo quy định pháp luật.

3. Rủi ro được bảo hiểm đối với bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn là mọi rủi ro trong quá trình khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, không bao gồm các rủi ro loại trừ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**Điều 6. Trách nhiệm mua bảo hiểm của nhà thầu thi công xây dựng**

1. Nhà thầu thi công xây dựng phải mua bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường.

2. Thời hạn bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định này. Việc xác định thời hạn bảo hiểm cụ thể đối với người lao động căn cứ vào hợp đồng lao động.

3. Rủi ro được bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường là mọi rủi ro, không bao gồm các rủi ro loại trừtheo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**Mục 2**

**ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI BẢO HIỂM**

**Điều 7. Điều kiện đối với doanh nghiệp bảo hiểm**

Doanh nghiệp bảo hiểm triển khai bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Được cấp phép kinh doanh bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại.

2. Có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định.

3. Có biên khả năng thanh toán không thấp hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu theo quy định pháp luật.

4. Người đứng đầu bộ phận nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại và có bằng cấp hoặc chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm.

**Điều 8. Điều kiện đối với doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm**

Doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đối với doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm trong nước:

a) Được cấp phép kinh doanh tái bảo hiểm;

b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

2. Đối với doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm nước ngoài:

a) Đang hoạt động hợp pháp theo quy định pháp luật của nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính;

b) Được xếp hạng tối thiểu “BBB+” theo Standard & Poor’s hoặc Fitch, “B++” theo A.M.Best, “Baa” theo Moody’s hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác trong năm tài chính gần nhất năm nhận tái bảo hiểm.

Trường hợp tái bảo hiểm cho công ty mẹ ở nước ngoài hoặc các công ty trong cùng tập đoàn mà không có xếp hạng tín nhiệm, doanh nghiệp bảo hiểm phải có văn bản của cơ quan quản lý bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm đóng trụ sở chính xác nhận doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm ở nước ngoài đảm bảo khả năng thanh toán tại năm tài chính gần nhất năm nhận tái bảo hiểm.

**Điều 9. Mức giữ lại**

1. Doanh nghiệp bảo hiểm nhận bảo hiểm phải căn cứ vào năng lực nhận bảo hiểm và kết quả thẩm định rủi ro, bảo đảm an toàn tài chính và quy�n lợi của bên mua bảo hiểm.

2. Mức giữ lại tối thiểu trên một đơn vị rủi ro hoặc trên một sự kiện bảo hiểm là 60% mức trách nhiệm bảo hiểm và không vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp bảo hiểm.

3. Trường hợp mức giữ lại vượt quá 10% vốn chủ sở hữu, doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm khác thành lập và hoạt động tại Việt Nam và tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trong nước và nước ngoài phần trách nhiệm vượt quá mức giữ lại tối thiểu nói trên.

**Mục 3**

**SỐ TIỀN BẢO HIỂM TỐI THIỂU, MỨC PHÍ BẢO HIỂM**

**Điều 10. Số tiền bảo hiểm tối thiểu**

1. Đối với bảo hiểm công trình: Số tiền bảo hiểm là giá trị đầy đủ của công trình nhưng không được thấp hơn tổng giá trị hợp đồng xây dựng[[2]](http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/Suggestion_Legal?p_detail=1&p_topic_id=9681" \l "_ftn2" \o ").

2. Đối với bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng: Số tiền bảo hiểm tối thiểu bằng giá trị của hợp đồng tư vấn, thiết kế.

3. Đối với bảo hiểm của nhà thầu thi công xây dựng đối với người lao động thi công trên công trường:

a) Trường hợp người lao động bị thương tích: Mức bồi thường cụ thể cho từng loại tổn thương cơ thể được xác định căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

b) Trường hợp người lao động bị tử vong: Số tiền bảo hiểm là 100 triệu đồng/người/vụ.

**Điều 11. Nguyên tắc xác định mức phí bảo hiểm**

Việc xác định mức phí bảo hiểm đối với các sản phẩm bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định sau:

1. Mức phí bảo hiểm tối thiểu đối với các sản phẩm bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng phải đủ để doanh nghiệp bảo hiểm chi trả bồi thường bảo hiểm và bù đắp các khoản chi phí quản lý, chi phí khai thác bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

2. Đối với bảo hiểm công trình xây dựng: mức phí bảo hiểm được xác định trên cơ sở giá trị, tính chất, đặc điểm, quy mô, thời hạn bảo hiểm của công trình xây dựng và quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Đối với bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng: mức phí bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ phần trăm của giá trị hợp đồng tư vấn và quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Đối với bảo hiểm của nhà thầu thi công xây dựng đối với người lao động: mức phí bảo hiểm được xác định trên cơ sở tổng quỹ tiền lương mà nhà thầu thi công phải trả cho người lao động, tính chất công việc mà người lao động thực hiện và quy định tại Khoản 1 Điều này.

**Chương III**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO HIỂM BẮT BUỘC**

**TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

**Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Ban hành quy tắc, điều khoản bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với các loại hình bảo hiểm bắt buộc sau:

a) Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng;

b) Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng;

c) Bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định này.

3. Quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, xử phạt vi phạm hành chính các doanh nghiệp bảo hiểm vi phạm chế độ bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng**

1. Định kỳ hàng năm, công bố danh mục các công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng, môi trường, công trình có yêu cầu kỹ thuật đặc thù, điều kiện thi công xây dựng phức tạp.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm hành chính đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm chế độ bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật [[3]](http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/Suggestion_Legal?p_detail=1&p_topic_id=9681" \l "_ftn3" \o ").

Điều 14. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

1. Phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Nghị định này.

Điều 15. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền tổ chức thực hiện bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn.

2. Phối hợp với các doanh nghiệp bảo hiểm để giải quyết nhanh chóng, kịp thời và đúng pháp luật những tổn thất trong phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 16**. **Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2015 và không áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm giao kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực.

**Điều 17**. **Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;  - Ngân hàng Chính sách xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn  thể;  - VPCP : BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: Văn thư, KTN (3b). | TM. CHÍNH PHỦ  **THỦ TƯỚNG**            **Nguyễn Tấn Dũng** |